

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình sữa học đường Học kỳ I năm học 2020 - 2021

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 23 tháng 2 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình Sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc tiếp tục thực hiện Đề án chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về Phê duyệt điều chỉnh Đề án Chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sữa tươi tiệt trùng cho trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 trong tháng 11 và tháng 12 học kỳ I năm học 2020 - 2021 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Ủy ban nhân dân quận ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình sữa học đường Học kỳ I năm học 2020 – 2021 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

- Góp phần cải thiện tầm vóc, cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học (lớp 1) thông qua hoạt động cho uống sữa hàng ngày nhằm giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực củ trẻ em, góp phần phát triển nguồn nhân lực trong tương lai

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng, phụ huynh học sinh, người chăm sóc về tầm quan trọng của dinh dưỡng đối với sự phát triển toàn diện về tầm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em, đặc biệt là bữa ăn học đường và sử dụng các sản phẩm sữa phù hợp theo nhóm tuổi.

2. Yêu cầu

- Tuyên truyền đến phụ huynh học sinh về chương trình sữa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1.

- Tiến hành khảo sát, thống kê số lượng phụ huynh học sinh đăng ký tham gia chương trình Sữa học đường.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: tháng 11, tháng 12 học kỳ I, năm học 2020 - 2021.

2. Đối tượng thụ hưởng: Trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 trong các trường công lập, ngoài công lập và các nhóm trẻ tại lớp mẫu giáo độc lập tư thực trên địa bàn quận.

3. Định mức: Mỗi trẻ em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 được uống 1 hộp sữa dung tích 180ml/lần/ngày với 5 lần/tuần trong thời gian của năm học.

4. Mức hỗ trợ

- Đối với trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 tại các trường công lập, ngoài công lập và trẻ em học tại lớp mẫu giáo tư thực trên địa bàn quận tham gia đề án chương trình sữa học đường: ngân sách thành phố hỗ trợ 30%, doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 20% và phụ huynh học sinh đóng góp 50%.

- Đối với trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, trẻ mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập đang học tại các trường tham gia Đề án Chương trình Sữa học đường: ngân sách thành phố hỗ trợ 50%, doanh nghiệp cung cấp sữa hỗ trợ 50%.

5. Kinh phí thực hiện

Từ ngân sách thành phố, doanh nghiệp cung cấp sữa, phụ huynh học sinh và đóng góp của xã hội

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Triển khai, chỉ đạo Ban giám hiệu các trường mầm non, tiểu học (công lập, ngoài công lập) và các nhóm trẻ trên địa bàn thực hiện chương trình sữa học đường trong tháng 11, 12 học kỳ I năm học 2020 - 2021.

- Thống kê, quản lý số lượng học sinh được hưởng lợi ích từ Đề án các chứng từ và quyết toán theo quy định.

- Phân công bộ phận giám sát việc triển khai, đánh giá kết quả, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong quá trình thực hiện Đề án sữa học đường.

- Phối hợp với phòng Y tế tổ chức tập huấn, truyền thông về dinh dưỡng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng học sinh cho cán bộ quản lý và nhân viên y tế các trường mầm non, tiểu học; các nhóm trẻ trên địa bàn.

- Phối hợp với Ban Quản lý An toàn thực phẩm, phòng Y tế giám sát, kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng sữa phục vụ Đề án.

2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo cân đối ngân sách cho các hoạt động của Đề án chương trình sữa học đường.

- Hướng dẫn và thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị trong quá trình thực hiện Đề án sữa học đường.

3. Phòng Y tế

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc bảo quản, vận chuyển, cung cấp sữa đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm đối với tất cả các sản phẩm sữa trước khi học sinh sử dụng.

- Thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại các trường triển khai Đề án.

- Phối hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn kiến thức về dinh dưỡng, thực hành ghi chép các biểu mẫu, thu thập số liệu, hồ sơ, sổ sách cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên y tế các trường, nhóm, lớp ngoài công lập.

4. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Lập danh sách các trên em mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập và các em thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học lớp mẫu giáo và học sinh tiểu học lớp 1 về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các chứng từ và quyết toán theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và người dân, nhất là cha mẹ học sinh và người nuôi dưỡng tham gia, ủng hộ thực hiện Đề án; đồng thời giám sát việc thực hiện.

6. Ủy ban nhân dân 15 phường:

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các nội dung chương trình Đề án sữa học đường.

- Tuyên truyền, vận động các đoàn thể tại đại phương và cha mẹ học sinh ủng hộ thực hiện đề án.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện Chương trình sửa học đường Học kỳ I năm học 2020 – 2021, Ủy ban nhân dân quận yêu cầu thủ trưởng các phòng ban, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai thực hiện hiệu quả và báo cáo kết quả thực hiện về UBND quận (thông qua P.GDĐT)./10e

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (BGĐ; Phòng CTTT);
- TT/QU (BT, PBT/TT);
- PCT/HĐND quận;
- UBND quận (CT, PCT/VX);
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH quận;
- P.TCKH, P.YT, P.LĐTBXH;
- UBND 15 phường;
- Lưu: VP, P.GDĐT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kiều Nhi

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA HỌC ĐƯỜNG
THÁNG 9, 10, 11, 12 NĂM 2020

STT	Tên đơn vị	Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa	Học kỳ 1 năm 2020-2021				Tổng số lượng hộp sữa	Chia ra		Tổng kinh phí (đồng)	Chia ra	
			Tổng số	Số học sinh uống sữa				Diện ngân sách hỗ trợ 30%	Diện ngân sách hỗ trợ 50%		Diện ngân sách hỗ trợ 30%	Diện ngân sách hỗ trợ 50%
				Diện ngân sách hỗ trợ 30%	Diện ngân sách hỗ trợ 50%	Chia ra						
			1	2	3	4	5	6	7=8+9	8=cột 5*1.815	9 = cột 6*3.025	
A	Khối giáo dục Mầm non											
I	Các cơ sở giáo dục công lập											
1	Trường Mầm non Sơn ca 1	106	106	106	0	4,028	4,028	0	7,310,820	7,310,820	0	
2	Trường Mầm non Sơn ca 2	32	32	32	0	1,216	1,216	0	2,207,040	2,207,040	0	
3	Trường Mầm non Sơn ca 3	100	100	100	0	3,800	3,800	0	6,897,000	6,897,000	0	
4	Trường Mầm non Sơn ca 4	175	175	175	0	6,650	6,650	0	12,069,750	12,069,750	0	
5	Trường Mầm non Sơn ca 5	185	185	184	1	7,030	6,992	38	12,805,430	12,690,480	114,950	
6	Trường Mầm non Sơn ca 7	265	265	264	1	10,070	10,032	38	18,323,030	18,208,080	114,950	
7	Trường Mầm non Sơn ca 8	76	76	76	0	2,736	2,736	0	4,965,840	4,965,840	0	
8	Trường Mầm non Sơn ca 9	140	140	140	0	5,320	5,320	0	9,655,800	9,655,800	0	
9	Trường Mầm non Sơn ca 10	207	203	203	4	7,866	7,714	152	14,460,710	14,000,910	459,800	
10	Trường Mầm non Sơn ca 11	101	101	101	0	3,838	3,838	0	6,965,970	6,965,970	0	
11	Trường Mầm non Sơn ca 12	40	39	39	1	1,520	1,482	38	2,804,780	2,689,830	114,950	
12	Trường Mầm non Sơn ca 14	176	175	175	1	6,688	6,650	38	12,184,700	12,069,750	114,950	
13	Trường Mầm non Sơn ca 15	90	88	88	2	3,420	3,344	76	6,299,260	6,069,360	229,900	
14	Trường Mầm non Sơn ca 17	38	36	36	2	1,444	1,368	76	2,712,820	2,482,920	229,900	
15	Trường Mẫu giáo Hương sen	103	103	103	0	3,914	3,914	0	7,103,910	7,103,910	0	
	TỔNG	1,834	1,822	12	69,540	69,084	456	126,766,860	125,387,460	1,379,400		
II	Các cơ sở giáo dục ngoài công lập											
I	Họa Mi 1											
1	Họa Mi 1	69	69	69	0	2,593	2,593	0	4,706,295	4,706,295	0	
2	Mẫu giáo Sơn Ca 5	300	300	300	0	11,400	11,400	0	20,691,000	20,691,000	0	
3	Vân Anh	4	4	4	0	152	152	0	275,880	275,880	0	
4	Năng Hồng	42	42	42	0	1,596	1,596	0	2,896,740	2,896,740	0	
5	Ngôi Sao Của Mẹ	22	22	22	0	836	836	0	1,517,340	1,517,340	0	
6	Thiên Thần Nhỏ	6	6	6	0	228	228	0	413,820	413,820	0	
7	Mặt Trời Hồng	44	44	44	0	1,672	1,672	0	3,034,680	3,034,680	0	
8	Họa Mi 9A	61	61	61	0	2,318	2,318	0	4,207,170	4,207,170	0	
9	Họa Sư	38	38	38	0	1,444	1,444	0	2,620,860	2,620,860	0	
10	Hoàng Tử Bé	8	8	8	0	304	304	0	551,760	551,760	0	
11	Họa Mi 14A	97	97	97	0	3,686	3,686	0	6,690,090	6,690,090	0	
12	Đa Minh	62	61	61	1	2,356	2,318	38	4,322,120	4,207,170	114,950	
13	Học Viên Tuổi Thơ	40	40	40	0	1,520	1,520	0	2,758,800	2,758,800	0	
14	Lớp MG Những Ngón Tay Vui	12	12	12	0	433	433	0	785,895	785,895	0	
15	Lớp MG Họa Mi 9 B	24	24	24	0	912	912	0	1,655,280	1,655,280	0	
	TỔNG	829	828	1	31,450	31,412	38	57,127,730	57,012,780	114,950		
B	Khối giáo dục Tiểu học											
I	Các cơ sở giáo dục công lập											
1	Trường Nguyễn Đình Chính	94	90	4	3,478	3,330	148	6,491,650	6,043,950	447,700		
2	Trường Hồ Văn Huê	223	223	0	8,251	8,251	0	14,975,565	14,975,565	0		
3	Trường Cổ Loa	137	137	0	5,069	5,069	0	9,200,235	9,200,235	0		
4	Trường Phạm Ngọc Thạch	68	68	0	2,516	2,516	0	4,566,540	4,566,540	0		

5	Trưởng Đảng Văn Ngừ	147	147	145	2	5,439	5,365	74	9,961,325	9,737,475	223,850
6	Trưởng Văn Trưởng	34	34	34	0	1,258	1,258	0	2,283,270	2,283,270	0
7	Trung Nhất	118	118	118	0	4,366	4,366	0	7,924,290	7,924,290	0
8	CHÍ LINH	12	12	12	0	444	444	0	805,860	805,860	0
9	Trưởng Cao Bá Quát	163	163	163	0	6,031	6,031	0	10,946,265	10,946,265	0
10	Trưởng Đồng Ba	116	116	115	1	4,292	4,255	37	7,834,750	7,722,825	111,925
11	Trưởng Sông Lô	94	94	94	0	3,478	3,478	0	6,312,570	6,312,570	0
12	Trưởng Lê Đình Chinh	30	30	30	0	1,110	1,110	0	2,014,650	2,014,650	0
	TỔNG	1,236	1,236	1,229	7	45,732	45,473	259	83,316,970	82,533,495	783,475
Các cơ sở giáo dục ngoài công											
II											
lập											
1											
2											
	Tổng cộng	3,899	3,899	3,879	20	146,722	145,969	753	267,211,560	264,933,735	2,277,825

Người lập bảng: Lê Mộng Điệp
Số điện thoại: 0776109450



TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA SỬA HỌC ĐƯỜNG
THÁNG 9, 10, 11, 12 NĂM 2020
(Dành cho khối Mầm non và Tiểu học công lập)

STT	Tên đơn vị	Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa	Học kỳ 1 năm 2020-2021				Tổng số lượng hộp sữa	Chia ra		Chia ra		Tổng kinh phí (đồng)	Chia ra	
			Số học sinh uống sữa		Diện ngân sách hỗ trợ 50%	Diện ngân sách hỗ trợ 30% (1.815 đ)		Diện ngân sách hỗ trợ 50% (3.025 đ)	Diện ngân sách hỗ trợ 30%					
			Tổng số	Diện ngân sách hỗ trợ 30%										
										1	2		3	4
I	Khối giáo dục Mầm non													
1	Trường Mầm non Sơn ca 1	106	106	106	0	4,028	4,028	0	7,310,820	7,310,820	0	7,310,820	0	
2	Trường Mầm non Sơn ca 2	32	32	32	0	1,216	1,216	0	2,207,040	2,207,040	0	2,207,040	0	
3	Trường Mầm non Sơn ca 3	100	100	100	0	3,800	3,800	0	6,897,000	6,897,000	0	6,897,000	0	
4	Trường Mầm non Sơn ca 4	175	175	175	0	6,650	6,650	0	12,069,750	12,069,750	0	12,069,750	0	
5	Trường Mầm non Sơn ca 5	185	185	184	1	7,030	6,992	38	12,805,430	12,690,480	38	12,690,480	114,950	
6	Trường Mầm non Sơn ca 7	265	265	264	1	10,070	10,032	38	18,323,030	18,208,080	38	18,208,080	114,950	
7	Trường Mầm non Sơn ca 8	76	76	76	0	2,736	2,736	0	4,965,840	4,965,840	0	4,965,840	0	
8	Trường Mầm non Sơn ca 9	140	140	140	0	5,320	5,320	0	9,655,800	9,655,800	0	9,655,800	0	
9	Trường Mầm non Sơn ca 10	207	207	203	4	7,866	7,714	152	14,460,710	14,000,910	152	14,000,910	459,800	
10	Trường Mầm non Sơn ca 11	101	101	101	0	3,838	3,838	0	6,965,970	6,965,970	0	6,965,970	0	
11	Trường Mầm non Sơn ca 12	40	40	39	1	1,520	1,482	38	2,804,780	2,689,830	38	2,689,830	114,950	
12	Trường Mầm non Sơn ca 14	176	176	175	1	6,688	6,650	38	12,184,700	12,069,750	38	12,069,750	114,950	
13	Trường Mầm non Sơn ca 15	90	90	88	2	3,420	3,344	76	6,299,260	6,069,360	76	6,069,360	229,900	
14	Trường Mầm non Sơn ca 17	38	38	36	2	1,444	1,368	76	2,712,820	2,482,920	76	2,482,920	229,900	
15	Trường Mẫu giáo Hương sen	103	103	103	0	3,914	3,914	0	7,103,910	7,103,910	0	7,103,910	0	
	TỔNG	1,834	1,834	1,822	12	69,540	69,084	456	126,766,860	125,387,460	456	125,387,460	1,379,400	
I	Các cơ sở giáo dục công lập													
1	Trường Nguyễn Đình Chính	94	94	90	4	3,478	3,330	148	6,491,650	6,043,950	148	6,043,950	447,700	
2	Trường Hồ Văn Huê	223	223	223	0	8,251	8,251	0	14,975,565	14,975,565	0	14,975,565	0	
3	Trường Cổ Loa	137	137	137	0	5,069	5,069	0	9,200,235	9,200,235	0	9,200,235	0	
4	Trường Phạm Ngọc Thạch	68	68	68	0	2,516	2,516	0	4,566,540	4,566,540	0	4,566,540	0	
5	Trường Đặng Văn Ngữ	147	147	145	2	5,439	5,365	74	9,961,325	9,737,475	74	9,737,475	223,850	
6	trường Văn Tường	34	34	34	0	1,258	1,258	0	2,283,270	2,283,270	0	2,283,270	0	
7	Trung Nhất	118	118	118	0	4,366	4,366	0	7,924,290	7,924,290	0	7,924,290	0	
8	CHÍ LINH	12	12	12	0	444	444	0	805,860	805,860	0	805,860	0	
9	Trường Cao Bá Quát	163	163	163	0	6,031	6,031	0	10,946,265	10,946,265	0	10,946,265	0	
10	Trường Đồng Ba	116	116	115	1	4,292	4,255	37	7,834,750	7,722,825	37	7,722,825	111,925	
11	Trường Sông Lô	94	94	94	0	3,478	3,478	0	6,312,570	6,312,570	0	6,312,570	0	
12	Trường Lê Đình Chính	30	30	30	0	1,110	1,110	0	2,014,650	2,014,650	0	2,014,650	0	
	TỔNG	1,236	1,236	1,229	7	45,732	45,473	259	83,316,970	82,533,495	259	82,533,495	783,475	

36tuần

TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN SỬA HỌC ĐƯỜNG

THÁNG 9, 10, 11, 12 NĂM 2020

(Dành cho khối Mầm non và Tiểu học ngoài công lập)

STT	Tên đơn vị	Số học sinh đăng ký tham gia uống sữa	Học kỳ 1 năm 2020-2021				Tổng số lượng hộp sữa	Chia ra		Tổng kinh phí (đồng)	Chia ra	
			Số học sinh uống sữa			Diện ngân sách hỗ trợ 30%		Diện ngân sách hỗ trợ 50%	Diện ngân sách hỗ trợ 30%		Diện ngân sách hỗ trợ 50%	
			Tổng số	Chia ra								
				1	2							3
I	Khối giáo dục Mầm non						4			7=8+9	8 =cột 5*1.815	9 = cột 6*3.025
1	Họa Mĩ 1	69	69	0	0	2,593		2,593		4,706,295	4,706,295	0
2	Mẫu giáo Sơn Ca 5	300	300	0	0	11,400		11,400	0	20,691,000	20,691,000	0
3	Vân Anh	4	4	0	0	152		152	0	275,880	275,880	0
4	Năng Hồng	42	42	0	0	1,596		1,596	0	2,896,740	2,896,740	0
5	Ngôi Sao Của Mẹ	22	22	0	0	836		836	0	1,517,340	1,517,340	0
6	Thiên Thần Nhỏ	6	6	0	0	228		228	0	413,820	413,820	0
7	Mặt Trời Hồng	44	44	0	0	1,672		1,672	0	3,034,680	3,034,680	0
8	Họa Mĩ 9A	61	61	0	0	2,318		2,318	0	4,207,170	4,207,170	0
9	Họa Sứ	38	38	0	0	1,444		1,444	0	2,620,860	2,620,860	0
10	Hoàng Tử Bé	8	8	0	0	304		304	0	551,760	551,760	0
11	Họa Mĩ 14A	97	97	0	0	3,686		3,686	0	6,690,090	6,690,090	0
12	Đa Minh	62	61	1	1	2,356		2,318	38	4,322,120	4,207,170	114,950
13	Học Viện Tuổi Thơ	40	40	0	0	1,520		1,520	0	2,758,800	2,758,800	0
14	Lớp MG Những Ngón Tay Vui	12	12	0	0	433		433	0	785,895	785,895	0
15	Lớp MG Họa Mĩ 9 B	24	24	0	0	912		912	0	1,655,280	1,655,280	0
	TỔNG	829	828	1	1	31,450		31,412	38	57,127,730	57,012,780	114,950